ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ ÁP DỤNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

GS.TS. Ngô Thế Chi[1] - TS. Phùng Khang Ninh[2]
TS. Phạm Thu Hạnh[2]

Để xây dựng và thực hiện hiệu quả báo cáo tài chính Việt Nam (VFRS) cần triển khai đồng bộ các giải pháp trên cả phương diện khung pháp lý, chuyên môn và tổ chức thực hiện. Bài viết khái quát thực trạng về xây dựng và áp dụng VFRS; phân tích định hướng xây dựng và áp dụng VFRS trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp chủ yếu xây dựng và áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.

• Từ khóa: *chuẩn mực báo cáo tài chính, VFRS, chuyển đổi số, định hướng và giải pháp.*

Developing and effectively implementing the Vietnamese Financial Reporting Standards (VFRS) requires the synchronized deployment of solutions across legal, professional, and organizational dimensions. This article outlines the current status of VFRS development and application and analyzes the strategic direction for these processes amidst international integration and digital transformation. Based on this analysis, the article proposes key solutions for developing and implementing financial reporting standards in Vietnam.

• Key words: financial reporting standards, VFRS, digital transformation, strategic direction and solutions.

Ngày nhận bài: 08/9/2026
Ngày gửi phản biện: 24/9/2026
Ngày duyệt đăng: 06/10/2026

Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, chất lượng và tính minh bạch của thông tin tài chính có vai trò đặc biệt quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp cũng như đối với thị trường vốn và các quyết định kinh tế của các bên liên quan. Trong những năm gần đây, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Việc gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế và các Hiệp định thương mại như tổ chức Thương mại thế giới, Ngân hàng thế giới, ngân hàng Phát triển châu Á, Quỹ tiền tệ quốc tế, Hiệp định Đối tác toàn diện xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU…đòi hỏi Việt Nam cần phải cung cấp thông tin có tính chuẩn mực, có khả năng so sánh và được quốc tế thừa nhận. Việc xây và áp dụng VFRS là cơ sở để Việt Nam tăng hạn đánh giá tín nhiệm cao hơn trong quan hệ quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững;

Mặc dù Việt Nam đã có những nỗ lực tích cực và tiến bộ trong xây dựng các quy định pháp lý trong kế toán, kiểm toán theo hướng hòa nhập với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về kế toán, kiểm toán. Tuy nhiên, những quy định này chủ yếu mang tính hướng dẫn về công tác kế toán, chưa có những quy định mang tính nguyên tắc, thống nhất một cách đầy đủ, đồng bộ phù hợp với quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện "Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam" theo Quyết định 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 của Bộ Tài chính.

1. Khái quát thực trạng xây dựng VFRS tại Việt Nam

Thứ nhất, tại Việt Nam, ngay từ những năm 2000 đã bắt đầu xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) trên cơ sở tham khảo chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Tuy nhiên, sau một thời gian áp dụng, môi trường kinh tế và mô hình kinh doanh đã có sự thay đổi đáng kể, trong khi IFRS tiếp tục hoàn thiện và phát triển. Điều này, tạo ra khoảng cách ngày càng rõ giữa VAS với IFRS, đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống chuẩn mực theo hướng tiếp cận IFRS. Vì vậy, định hướng hiện nay không đơn thuần là sửa đổi từng VAS mà cần phải hướng tới xây dựng và áp dụng VFRS theo lộ trình, đồng thời đảm bảo sự phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, điều kiện pháp lý và năng lực của Việt Nam.

Thứ hai, những năm qua đã hình thành định hướng và lộ trình tiếp cận IFRS. Một bước quan trọng là ngày 16/3/2020, Bộ Tài chính đã phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam theo quyết định số 345/QĐ-BTC. Đề án đã xác định lộ trình tiếp cận IRS theo các giai đoạn, bao gồm: giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn áp dụng tự nguyên và giai đoạn áp dụng bắt buộc đối với một số đối tượng phù hợp. Đây là cơ sở quan trọng để chuyển từ việc tham khảo IFRS khi xây dựng VAS sang một quá trình có định hướng rõ hơn về tiếp cận và áp dụng IFRS/VFRS.

[1]*Học viện Tài chính*
[2]*Trường Đại học Hùng Vương*

Thứ ba, VFRS đã có bước tiến về mặt chuẩn mực. Một số chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành theo định hướng tiếp cận IFRS, tạo nền tảng cho quá trình xây dựng VFRS. Tuy nhiên, cần có sự phân biệt giữa VAS hiện hành, các chuẩn mực được xây dựng mới hoặc sửa đổi theo hướng tiếp cận IFRS được áp dụng trực tiếp hoặc tham chiếu. Do đó, có thể nhận định rằng, Việt Nam đang trong quá trình chuyển tiếp, chưa hình thành một hệ thống VFRS hoàn chỉnh và đồng bộ tương đương IFRS;

Thứ tư, còn một khoảng cách đáng kể giữa VAS và IFRS. Đây là một trong những vấn đề lớn nhất trong quá trình xây dựng VFRS. Một số khác biệt đáng chú ý liên quan đến cơ sở đo lường và giá trị hợp lý; công cụ tài chính; tổn thất tín dụng dự kiến; doanh thu; hợp đồng thuê; hợp nhất kinh doanh; hợp nhất báo cáo tài chính; tài sản vô hình; các khoản dự phòng; trình bày và công bố thông tin. Chính điều đó, nếu chỉ sửa đổi riêng lẻ từng chuẩn mực mà thiếu một kiến trúc tổng thể thì có thể không đảm bảo tính thống nhất của hệ thống VFRS;

Thứ năm, hệ thống pháp luật kế toán vẫn là vấn đề cần được xử lý. Một trong những khó khăn lớn là VAS và pháp luật kế toán chưa hoàn toàn chuyển sang cách tiếp cận dựa trên nguyên tắc mà chủ yếu vẫn mang tính quy định cụ thể. Trong thực tế, các DN còn chịu sự chi phối đồng thời của Luật Kế toán, Chế độ kế toán, pháp luật thuế và các quy định chuyên ngành có liên quan. Điều này, dẫn đến tình trạng DN thường ưu tiên tuân thủ các quy định mang tính thủ tục và pháp lý hơn là phản ánh đầy đủ bản chất kinh tế của giao dịch. Bởi vậy, xây dựng VFRS cần đi cùng với việc rà soát và đồng bộ hóa các quy định pháp luật có liên quan.

Thứ sáu, việc áp dụng VFRS còn hạn chế về phạm vi doanh nghiệp. Khả năng áp dụng các chuẩn mực theo hướng IFRS giữa các doanh nghiệp rất khác nhau. Các DN quy mô lớn, DN lớn có vốn đầu tư nước ngoài thường có điều kiện thuận lợi hơn về nguồn tài chính, nhân sự kế toán, hệ thống công nghệ thông tin và kinh nghiệm lập BCTC theo IFRS. Trong khi đó, DNNVV, doanh nghiệp siêu nhỏ gặp khó khăn lớn về trình độ, năng lực của nhân sự kế toán và nguồn lực tài chính. Vì thế, việc áp dụng VFRS theo lộ trình và phân nhóm DN là vấn đề quan trọng, cần tiếp tục hoàn thiện;

Thứ bảy, năng lực thực hiện VFRS chưa đồng đều. VFRS theo hướng IFRS sẽ làm tăng yêu cầu về xét đoán nghề nghiệp của người làm kế toán và kiểm toán. Trong khi đó, một bộ phận nhân sự kế toán, kiểm toán vẫn quen với cách tiếp cận "có quy định cụ thể thì thực hiện" hơn là xác định bản chất kinh tế của giao dịch và áp dụng nguyên tắc phù hợp. Đây là một thay đổi lớn về tư duy nghề nghiệp. Vì vậy, đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán phù hợp với việc sử dụng VFRS là một trong những yêu cầu quan trọng, mang tính quyết định thành công của VFRS.

2. Định hướng xây dựng VFRS tại Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng VFRS theo định hướng quốc tế nhưng phải phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Xây dựng VFRS trên cơ sở tham chiếu và tiếp cận có chọn lọc IFRS, đồng thời đảm bảo tính tương thích với hệ thống pháp luật Việt Nam; tiếp thu các nguyên tắc, phương pháp ghi nhận, đo lường và trình bày của IFRS; không sao chép một cách máy móc IFRS mà cần phải điều chỉnh phù hợp với môi trường pháp lý, kinh tế và trình độ quản trị của Việt Nam; đảm bảo VFRS có thể hội nhập và so sánh với thông lệ quốc tế;

Thứ hai, chuyển từ tư duy "quy định cứng" sang tiếp cận "dựa trên nguyên tắc".

Tăng cường cách tiếp cận dựa trên bản chất kinh tế của giao dịch thay vì chỉ dựa vào hình thức pháp lý; hạn chế tối đa sự phụ thuộc quá mức vào các quy định, hướng dẫn quá chi tiết, mang tính hình thức; trao quyền nhiều hơn cho doanh nghiệp và người làm kế toán trong việc lựa chọn phương pháp phù hợp, đồng thời tăng trách nhiệm giải trình;

Thứ ba, đảm bảo phù hợp với đặc điểm kinh tế và pháp lý Việt Nam.

Xây dựng VFRS không nhất thiết phải sao chép nguyên trạng IFRS mà cần xem xét quy mô của các loại hình doanh nghiệp; trình độ quản trị của doanh nghiệp; thị trường vốn; hệ thống pháp luật Việt Nam; năng lực của người làm kế toán trong các doanh nghiệp; nhu cầu thông của nhà đầu tư, chủ nợ và các bên liên quan. Điều này, giúp cho việc áp dụng vào thực tiễn có tính khả thi cao hơn;

Thứ tư, xây dựng VFRS phải bảo đảm sự phân tầng hoặc phân loại đối tượng áp dụng.

Xây dựng lộ trình áp dụng phù hợp với từng nhóm ngành doanh nghiệp. Nghiên cứu cách tiếp cận khác nhau đối với các loại hình doanh nghiệp như: DNNY, doanh nghiệp có lợi ích công chúng, doanh nghiệp quy mô lớn, DNNVV, DN siêu nhỏ. Việc phân tầng hay phân loại đối tượng áp dụng VFRS giúp hạn chế chi phí tuân thủ và tạo điều kiện để DN từng bước nâng cao năng lực áp dụng chuẩn mực. Đồng thời, việc áp dụng cho các đối tượng có thể thực hiện theo lộ trình từng bước và có cơ chế hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn và chuyển đổi dữ liệu tốt nhất. Điều này, giúp cân bằng giữa yêu cầu hội nhập và chi phí tuân thủ;

Thứ năm, tăng cường hệ thống ghi nhận và đo lường theo giá trị kinh tế.

VFRS cần từng bước tiếp cận các phương pháp của IFRS về giá trị hợp lý, từng bước hoàn thiện các quy định liên quan đến giá trị hợp lý, giá trị hiện tại; công cụ tài chính, tài sản tài chính, nghĩa vụ tài chính và suy giảm giá trị tài sản; doanh thu và nghĩa vụ thực hiện; thuê tài sản; các khoản dự phòng và nghĩa vụ tiềm tàng. Đồng thời, cần chú trọng đến các thông tin để giúp người sử dụng báo cáo tài chính đánh giá dòng tiền tương lai, rủi ro và triển vọng phát triển của doanh nghiệp;

Thứ sáu, nâng cao yêu cầu công bố và thuyết minh BCTC.

VFRS cần chú trọng chất lượng thông tin, không chỉ dừng ở việc ghi nhận và trình bày. Thông tin cần đảm bảo các đặc tính đặc thù như tính đầy đủ, trung thực, tích hợp, có thể so sánh, có thể kiểm chứng, kịp thời, dễ hiểu, đặc biệt là tăng cường yêu cầu về thuyết minh BCTC và công bố thông tin, giúp người sử dụng thông tin hiểu được bản chất các giao dịch và các ước tính kế toán quan trọng, hữu ích cho quyết định kinh tế;

Thứ bảy, tăng cường tính thống nhất giữa các VFRS và các quy định pháp luật liên quan.

Việc xây dựng VFRS cần có sự đồng bộ với Luật Kế toán, kiểm toán; Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Chứng khoán và các quy định chuyên ngành có liên quan, đặc biệt là cần phân định rõ mục tiêu của báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán với mục tiêu quản lý thuế, tránh để yêu cầu quản lý thuế chi phối quá mức việc ghi nhận và trình bày thông tin trên BCTC. Đây là một nội dung quan trọng để tránh tình trạng chuẩn mực kế toán và quy định thuế chi phối lẫn nhau.

Thứ tám, gắn VFRS với chuyển đổi số và yêu cầu phát triển bền vững.

Quá trình xây dựng và áp dụng VFRS cần tính đến khả năng tích hợp với hệ thống ERP và phần mềm kế toán; dữ liệu kế toán số; trí tuệ nhận tạo và tự động hóa xử lý thông tin; báo cáo điện tử; thông tin ESG và phát triển bền vững; chuẩn hóa dữ liệu kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý, cơ quan kiểm toán khai thác dữ liệu;

3. Giải pháp xây dựng và áp dụng VFRS tại Việt Nam

Một là, hoàn thiện đồng bộ khung pháp lý

Cần ra soát toàn diện sự phù hợp giữa VFRS với Luật Kế toán, luật Doanh nghiệp; luật Chứng khoán, pháp luật về thuế, các quy định về quản lý tài chính và các quy định chuyên ngành có liên quan. Đặc biệt, cần phân dịnh rõ mục tiêu của BCTC và mục tiêu quản lý thuế. BCTC theo VFRS phải hướng tới cung cấp thông tin hữu cho cho nhà đầu tư, chủ nợ và các đối tượng sử dụng thông tin thay vì bị chi phối quá lớn bởi mục tiêu xác đinh nghĩa vụ thuế; quy định rõ trách nhiệm của DN, kế toán trưởng, người đại diện pháp luật và kiểm toán viên đối với thông tin tài chính được công bố;

Hai là, xây dựng VFRS theo hướng hài hòa với IFRS nhưng phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Tiếp thu có chọn lọc các nguyên tắc của IFRS, đặc biệt về ghi nhận, đo lường, trình bày và công bố thông tin; không sao chép máy móc IFRS mà cần có sự tính toán kỹ lưỡng đến quy mô doanh nghiệp, trình độ quản trị, thị trường vốn và môi trường pháp lý của Việt Nam;

Ba là, nâng cao năng lực của kế toán, kiểm toán và nhà quản trị

Đây là giải pháp mang tính quyết định sự thành công của việc áp dụng VFRS tại Việt Nam. Theo đó, cần đổi mới chương trình đào tạo kế toán, kiểm toán theo hướng tăng cường đào tạo IFRS/VFRS, phân tích tài chính, định giá và xét đoán công nghệ trong các cơ sở Giáo dục & đào tạo; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, công nghệ và ngoại ngữ cho đội ngũ nhân sự kế toán trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế; nâng cao năng lực của kiểm toán viên trong các công ty kiểm toán; tăng cường đào tạo thông qua các tình huống thực tế thay vì chỉ học lý thuyết; xây dựng đội ngũ chuyên gia VFRS; khuyến khích nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm quốc tế;

Bốn là, phát triển hệ thống đào tạo và tài liệu hướng dẫn VFRS

Do VFRS có nhiều nội dung dựa trên nguyên tắc, việc chỉ ban hành chuẩn mực là chưa đủ, chưa có thể áp dụng tốt vào thực tiễn mà cần phải cả thiết phát triển hệ thống đào tạo theo từng cấp độ có bản, nâng cao và chuyên sâu; tiết kế chương trình phù hợp cho từng đối tượng kế toán viên, kiểm toán viên, CFO, cán bộ quản lý doanh nghiệp, giảng viên và sinh viên; tăng tình hướng thực tế thay vì chỉ đi sâu lý thuyết; phát triển các khóa ngắn hạn, trực tuyến và đào tạo liên tục, giúp cho việc cập nhật thường xuyên khi có sự thay đổi của IFRS/VVRS. Mặt khác, cần xây dựng hệ thống hướng dẫn áp dụng VFRS cho doanh nghiệp, các ví dụ minh họa tình huống thực tế, hướng dẫn chuyển đổi lần đầu từ VAS sang VFRS; cơ chế giải thích các giao dịch mới phát sinh; hướng dẫn kiểm toán và kiểm tra việc tuân thủ VFRS. Đặc biệt, cần có cơ chế cập nhật nhanh khi IFRS/VFRS có sự thay đổi.

Năm là, đẩy mạnh chuyển đổi số trong việc thực hiện VFRS

Xây dựng cơ sở dữ liệu tài chính thống nhất; tăng cường sử dụng hệ thống ERP, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong lập và kiểm tra BCTC; chuẩn hóa dữ liệu kế toán để có thể tự động tổng hợp và đối chiếu; kết nối dữ liệu giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý, kiểm toán và thị trường vốn, thị trường chứng khoán; sử dụng công nghệ để xác định bất thường trong BCTC và nâng cao hiệu quả giám sát.

Sáu là, tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao chất lượng kiểm toán

VFRS muốn vận hành hiệu quả phải có hệ thống kiểm tra và giám sát tương ứng. Cần nâng cao chất lượng kiểm toán BCTC; tăng cường kiểm soát chất lượng kiểm toán; nâng cao vai trò của Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan quản lý; tăng cường trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành; nâng cao vai trò của kiểm toán; tăng cường xử lý nghiêm minh những trường hợp công bố thông tin sai lệch. Mục tiêu là tạo ra kỷ luật thị trường và nâng cao độ tin cậy của BCTC.

Bảy là, tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể.

Xây dựng và áp dụng VFRS không chỉ là nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước mà là nhiệm vụ của nhiều Bộ, ban ngành, tổ chức, doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan. Vì vậy, cần hình thành

cơ chế phối hợp giữa Bộ Tài chính- Cơ quan quản lý chứng khoán- doanh nghiệp- Tổ chức nghề nghiệp- Cơ sở giáo dục đại học- công ty kiểm toán- chuyên gia- nhà đầu tư đầu tư. Trong đó, DN và cơ quan kiểm toán cần được tham gia nhiều hơn vào quá trình lấy ý kiến, thử nghiệm và đánh giá tác động trước khi ban hành chuẩn mự

Lộ trình thực hiện VFRS có thể được chia thành 3 giai đoạn:

Để áp dụng VFRS tại Việt Nam đạt được hiệu quả, thì cần thiết phải có lộ trình phù hợp. Lộ trình áp dụng VFRS có thể thực hiện theo từng giai đoạn cùng với việc phân loại doanh nghiệp theo từng nhóm doanh nghiệp. Có thể chia thành 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 2025-2026. Giai đoạn này thực hiện hoàn thiện nền tảng pháp lý và khởi động số hóa. Nội dung chủ yếu trong giai đoạn này là sửa đổi Luật Kế toán và các Thông tư hướng dẫn mới; hoàn thiện hệ thống VFRS và hướng dẫn việc áp dụng VFRS tự nguyện; đào tạo nhân sự kế toán về IFRS/VFRS cơ bản và về công nghệ số; triển khai kết nối dữ liệu kế toán với Cơ quan Thuế, Bảo hiểm, Ngân hàng, Hải quan;

- Giai đoạn 2027-2028. Giai đoạn này tập trung vảo việc mở rộng chuyển đổi số và VFRS; áp dụng VFRS bắt buộc đối với các doanh nghiệp niêm yết, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lớn; triển khai rộng rãi trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hóa quy trình bằng robot phần mềm… trong kế toán; xây dựng hạ tầng công nghệ, hạ tầng cơ sở dữ liệu tài chính- kế toán quốc gia; tăng cường vai trò kiểm toán nội bộ và giám sát tại các doanh nghiệp;

- Giai đoạn 2029-2030 trở đi. Đây là giai đoạn hội nhập sâu và tối ưu hệ thống. Giai đoạn này áp dụng VFRS toàn diện cho tất cả các DN đủ điều kiện; tích hợp kế toán Việt Nam vào hệ thống BCTC toàn cầu; hoàn thiện báo cáo ESG và thuế tối thiểu toàn cầu; ứng dụng blockchain nhằm đảm bảo tính minh bạch dữ liệu kế toán; hình thành hệ sinh thái kế toán- tài chính số quốc tế;

Kết luận

Xây dựng VFRS không chỉ là thay đổi hệ thống chuẩn mực kế toán, mà quan trọng hơn, đó là quá trình đổi mới tư duy lập và sử dụng thông tin tài chính, hướng tới nâng cao chất lượng, minh bạch và khả năng so sánh của BCTC Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Các giải pháp đề xuất cần thực hiện đồng bộ để phát huy hiệu quả tốt.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính (2020), Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 về phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Bộ Tài chính (2015), Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, nhà xuất bản Tài chính.

Chính phủ (2020), Nghị định số 174/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung có liên quan.

IFRS Foundation (2018), Conceptual Pramework for Financial Reporting.

Ojs.tapchicongthuong.vn/vi/ojs-post/su-thay-doi-cua-he-thong-thong-tin-ke-toan-trong-boi-canh-kinh-te-so-0-viet-nam-73579-html. Bài viết của Phạm Hoài Nam.

Trần Ngô Trung Hiếu (2026) và Nguyễn Thị Phương Anh, Hoàn thiện hệ thống kế toán Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng 4.0, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán Kỳ 1 tháng 7 (số 315)-2026.